

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-6-2024

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Bích

Ông Quách Minh Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Anh – Thẩm tra viên TAND tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2023/HNGĐ - ST ngày 21/12/2023 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 17/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu: Đội 11, thôn Cao Dương, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Đường Quang Hoa, khu Đại Liêu, thành phố Cao Hùng, Đài Loan (Trung Quốc).

Người được nguyên đơn ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Chị Đào Thị Thu N, sinh năm 1999; địa chỉ: Số 32, đường Đỗ Quang, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Đồng Đăng, xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T và chị Nguyễn Thị Ngọc H chung sống vợ chồng từ năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/4/2019. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã có con

chung, đến cuối năm 2019 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khác nhau về tính cách, lối sống, nên thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đến cuối năm 2020 anh T sang Đài Loan sinh sống và làm việc. Mặc dù đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện mong hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Đến nay hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệp T1, sinh ngày 23/10/2019. Hiện nay cháu T1 đang sống cùng mẹ tại xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Sau khi ly hôn anh đồng ý để chị H là mẹ của cháu Thảo là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật

Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H: Chị H vắng mặt tại địa phương trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án gia đình anh T và chị H đã có ý kiến:

Lời trình bày của bà Lê Thị Kim T2 là mẹ đẻ của chị H (ngày 29/12/2023) thể hiện: Chị H và anh T tự tìm hiểu và được sự nhất trí của hai bên gia đình có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn ngày 03/4/2019. Việc anh T ly hôn với chị H bà đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, bà T2 đề nghị được sao chụp tài liệu hồ sơ vụ án, (ngày 18/01/2024 Tòa án đã sao chụp T bộ tài liệu cho bà T2 theo yêu cầu). Về việc ly hôn bà T2 có ý kiến quá trình chung sống của vợ chồng anh T, chị H2 không hạnh phúc, anh T không có trách nhiệm với vợ con, tuy nhiên chị H vẫn còn tình cảm và chưa muốn ly hôn, cần thêm thời gian để suy nghĩ, để chị H2 về Việt Nam giải quyết việc ly hôn.

Lời trình bày của ông Nguyễn Văn Đ là bố đẻ của chị H tại biên bản xác minh ngày 16/5/2024 của UBND xã Cao Dương thể hiện: Cháu Nguyễn Diệp T1, sinh ngày 23/10/2019. hiện nay cháu đang sống cùng mẹ và gia đình ông bà ngoại (bà Lê Thị Kim T2 và ông Nguyễn Văn Đ), đã nhập khẩu cùng gia đình tại xã Cao Dương từ ngày 07/11/2022, về ý kiến của anh T để chị H được nuôi con sau ly hôn ông Đ là chủ hộ đồng ý, không có ý kiến gì.

Lời trình bày của ông Nguyễn Văn T3 và bà Bùi Thị H (bố mẹ đẻ anh T) ngày 02/4/2024 thể hiện: Anh T và chị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2019 và có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệp T1. Thời gian đầu hai vợ chồng sinh sống hạnh phúc, sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Cuối năm 2020

anh T đi làm việc tại Đài Loan và hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Cuối năm 2022, chị H dẫn theo con chung chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và không liên lạc gì với gia đình ông bà. Hiện tại gia đình biết việc anh T ly hôn với chị H ông bà không có ý kiến gì.

Tài liệu xác minh thể hiện:

Theo trả lời của công an xã Cao Dương ngày 11/12/2023 xác định chị H có đăng ký hộ khẩu tại xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (ngày chuyển đến 07/11/2022)

Theo trả lời của công an xã Cao Dương ngày 22.12.2023 hiện tại chị H vắng mặt tại địa phương, theo gia đình cho biết thì chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) từ ngày 20.10.2023.

Công văn số 97/PA08 ngày 05.02.2024 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Hòa Bình có nội dung: Qua tra cứu trên hệ thống cơ sở dữ liệu xuất nhập cảnh có kết quả lần gần nhất chị H sử dụng hộ chiếu số E00523094 ngày 17.7. 2023 để xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài ngày 20.10.2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã ban hành công văn số 124/CV - TDS ngày 05/3/2024 yêu cầu bà T2 thông báo cho bị đơn để gửi lời khai về cho Tòa án để giải quyết theo quy định nhưng bà T2 không nhận và bị đơn chị H cũng không có ý kiến trình bày. Ông Nguyễn Tiên Quang - trưởng thôn Đồng Đăng, ông Nguyễn Văn Thanh- cán bộ tư pháp xã Cao Dương xác nhận hiện chị H không có mặt tại địa phương, gia đình chị H không nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Viện kiểm sát đã có văn bản số 233/YC-VKS-DS ngày 06/5/ 2024 yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ thể hiện quan điểm của chị H về việc anh T xin ly hôn, làm căn cứ giải quyết vụ án, nhưng chưa được thu thập đầy đủ, do vậy tại phiên tòa Kiểm sát viên chưa có đủ cơ sở để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ Luật Tố tụng dân sự ra quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn xin ly hôn, có địa chỉ tại huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương và đang đi xuất khẩu lao động nước ngoài tại Đài Loan (Trung Quốc). Quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn" thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nH dân tỉnh Hòa Bình, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.2. Việc giải quyết vắng mặt đương sự:

- Đối với anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn trong vụ kiện, quá trình giải quyết vụ án, Anh T không có mặt tại Tòa án (đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt). Do vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

- Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc H:

Kết quả xác minh của Công an xã Cao Dương ngày 11/12/2023 xác định chị H có đăng ký hộ khẩu tại xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (BL27), như vậy, anh T đã ghi địa chỉ của chị H tại xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình là đúng với qui định tại hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 192 BLTTDS năm 2015

Kết quả xác minh của Công an xã Cao Dương ngày 22.12.2023 hiện tại chị H vắng mặt tại địa phương, theo gia đình cho biết thì chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) từ ngày 20.10.2023 (bl 49).

Theo trình bày ngày 29/12/2023 của bà Lê Thị Kim T2, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Đồng Đăng, xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình là mẹ của chị H cho biết hiện tại chị H đang bên Đài Loan (địa chỉ: Taipei 101, quận Tín Nghĩa, Đài Bắc, Đài Loan), tuy nhiên bà T2 không cung cấp các giấy tờ có liên quan đến việc trình bày này.

Theo mục 3.1 tại Công văn số 114/TANDTC-HTQT ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân tối cao quy định: “Khi đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của người nước ngoài, công ty, doanh nghiệp có trụ sở ở nước ngoài, công dân Việt Nam ở nước ngoài, người khởi kiện, người yêu cầu, đương sự phải cung cấp cho Tòa án các thông tin có được về cá nhân, doanh nghiệp đó, trong đó phải có các thông tin sau đây: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, giới tính, số hộ chiếu hoặc

giấy tờ thay thế hộ chiếu, sổ căn cước công dân của người nước ngoài cần được xác minh địa chỉ. Những thông tin này có trên các tài liệu, giấy tờ bao gồm: hộ chiếu nước ngoài, thẻ căn cước công dân nước ngoài: giấy phép lái xe, thẻ thường trú, thẻ tạm trú, giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân của người nước ngoài. do nước ngoài hoặc Việt Nam cấp và các tài liệu, giấy tờ khác có các thông tin nêu trên mà đương sự có được.

Căn cứ vào ý kiến trình bày của bà Thanh là người thân thích của chị H, thể hiện có việc chị H vẫn có liên hệ với nhân nhân ở trong nước. Căn cứ vào công văn số 253/ TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn việc giải quyết ly hôn đối với bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã 02 lần đề nghị gia đình (bà Lê Thị Kim T2) thông báo cho bị đơn (chị H) biết để gửi lời khai về cho Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình theo quy định, nhưng thân nhân của họ cũng không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết, được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết, do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung, nội dung này phù hợp với quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1.3. Về yêu cầu tạm ngừng phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, bên khởi kiện đã cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, Kiểm sát viên đã có văn bản yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, với tài liệu, chứng cứ đã thu thập không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa như đề nghị của Kiểm sát viên cũng đảm bảo việc xét xử vụ án được khách quan, toàn diện, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ kiện:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc H chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương ngày 03/4/2019, vợ chồng đã có một con chung. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với nhiều lý do khác nhau, sau đó anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay.

Theo khai của anh T cũng như lời trình bày của ông Nguyễn Văn T3 và bà Bùi Thị H (bố mẹ đẻ anh T) và lời trình bày của bà Lê Thị Kim T2 - mẹ đẻ của chị H đều thể hiện quá trình chung sống của vợ chồng anh T, chị H không hạnh phúc, ý kiến của bà T2 là chị H vẫn còn tình cảm và chưa muốn ly hôn, cần thêm thời gian để suy nghĩ, tuy nhiên từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến nay đã trên 06 tháng mà chị H cũng như gia đình chị H không có ý kiến thông tin gì khác.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã có nhiều mâu thuẫn, vụ án không tiến hành hoà giải được, thực tế giữa anh T và chị không còn sự thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau, không ai quan tâm chăm sóc cho nhau, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cơ sở để vợ chồng đoàn tụ là không thể thực hiện được, cần chấp nhận việc yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2. Về nuôi con: Vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Diệp T1, sinh ngày 23/10/2019. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 16/5/2024 của UBND xã Cao Dương cho thấy hiện cháu đang ở với mẹ và gia đình ông bà ngoại (bà Lê Thị Kim T2 và ông Nguyễn Văn Đ), đã nhập khẩu cùng gia đình tại xã Cao Dương từ ngày 07/11/2022, về ý kiến của anh T để chị H được nuôi con sau ly hôn ông Đ là chủ hộ đồng ý không có ý kiến gì.

Trên cơ sở quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 02/2000/HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần trên cơ sở điều kiện hoàn cảnh của mỗi bên, hiện con đang cư trú ổn định tại xã Cao Dương. Xét thấy cần quyết định giao con cho chị H để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình thì mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T ý kiến việc cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, chị H chưa có ý kiến thể hiện.

Xét thấy, chị H là người nuôi con sau ly hôn, nghề nghiệp lao động tự do, căn cứ vào việc cấp dưỡng phải đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng (bao gồm các chi phí thông thường cần thiết về ăn, ở, mặc, học, khám chữa bệnh và các chi phí thông thường cần thiết khác để bảo đảm cuộc sống của người được cấp dưỡng) và căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng để buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ trên một tháng là có căn cứ pháp luật.

Theo khoản 1 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì bản án, quyết định về cấp dưỡng của Tòa án cấp sơ thẩm thuộc diện phải được thi hành

ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con cần xác định thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày 01/7/2024.

2.4. Về tài sản và các khoản vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H.

2. Giao quyền nuôi con Nguyễn Diệp T1, sinh ngày 23/10/1019 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Ngọc Văn T có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con (Nguyễn Diệp T1) số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng) trên một tháng, thời điểm đóng góp kể từ tháng 7 năm 2024 đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, vay nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng. Được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004011 ngày 21/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình. Anh T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Cao Dương,
huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Tuấn

